

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 22 - 5 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST- HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hợp Đ, sinh năm 1994 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội. nơi cư trú: Cụm 1, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hợp H và bà Bùi Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1990; nơi cư trú: Cụm 1, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 148 đường T, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Cụm 1, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Hợp Kh, sinh năm 1990; nơi cư trú: Cụm 1, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hợp Đ, sinh năm 1994, sống cùng nhà với vợ chồng anh trai, chị dâu là anh Nguyễn Hợp Kh, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1990 ở Cụm 1, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 13 giờ ngày 01/01/2018, lợi dụng lúc không có ai ở nhà, Đ đã dùng một con dao rựa, một con dao inox, một chiếc kìm và một đôi găng tay là các đồ dùng có sẵn ở nhà để đục phá kết sắt đặt trong phòng ngủ của anh Nguyễn Hợp Kh, lấy trộm một sợi dây chuyền bằng vàng là của hồi môn của chị Nguyễn Thị Hồng Nh được bố đẻ chị Nh cho riêng khi chị Nh kết hôn với anh Kh. Sau đó, Đ mang sợi dây chuyền đến cửa hàng vàng bạc của bà Phạm Thị T, sinh năm 1975 ở số 148 đường T, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội và bán cho bà T được 17.635.000 đồng. Đ đã lấy 200.000 đồng để chi tiêu cá nhân, số tiền còn lại Đ cất giấu 16.785.000 đồng tại vườn nhà bà ngoại của Đ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1929 ở Cụm 1, xã L; cất giấu 650.000 đồng trong bồn chứa nước nhà vệ sinh ở nhà Đ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng Nh về đến nhà phát hiện kết sắt bị đục phá và bị mất một sợi dây chuyền vàng có trọng lượng khoảng 5 chỉ nên đã đến cơ quan Công an trình báo. Qua đấu tranh, khai thác Nguyễn Hợp Đ thừa nhận đã phá kết sắt lấy trộm sợi dây chuyền vàng và đem bán như nêu trên.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải Đ đến cửa hàng nơi Đ khai đã bán sợi dây chuyền vàng và những nơi Đ khai cất giấu tiền do bán vàng có được. Kết quả phát hiện và thu giữ số tiền 16.785.000 đồng để trong ống bơ sữa tại vườn nhà bà Nguyễn Thị L; phát hiện và thu giữ số tiền 650.000 đồng để trong bồn chứa nước bệ xí trong nhà vệ sinh của anh Nguyễn Hợp Kh. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành đề Nguyễn Hợp Đ, chị Nguyễn Thị Hồng Nh và bà Phạm Thị T nhận dạng. Kết quả, bà T đã xác định Nguyễn Hợp Đ chính là người thanh niên đã bán sợi dây chuyền bằng vàng cho bà vào chiều ngày 01/01/2018. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh và Nguyễn Hợp Đ cũng đã xác nhận được đúng chiếc dây chuyền mà Đ mang đi bán cho bà Phạm Thị T là chiếc dây chuyền đeo cổ bằng kim loại vàng, trọng lượng khoảng 05 chỉ được chế tác dạng các mắt xích hình hoa văn dạng bông hoa nhỏ.

Tại kết luận giám định số 141/C54(P4) ngày 17/01/2018 của Viện khoa học hình sự thuộc Tổng cục cảnh sát kết luận: Một sợi dây chuyền Đ trộm cắp có tổng khối lượng 18,74 gam là vàng (Au), hàm lượng trung bình Au: 99,74%.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL- HĐ ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Một sợi dây chuyền Đ trộm cắp trị giá 18.360.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Hợp Đ khai nhận, do cần tiền chi tiêu nên khi thấy cả nhà đi vắng Đ đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của gia đình. Đ đã dùng hai con dao

lấy ở bếp, một chiếc kim lấy ở hiên nhà và một đôi găng tay để ở cửa bếp của nhà mình làm dụng cụ phá kết. Đeo găng tay, dùng hai con dao đục phá phía bên sườn kết sắt và dùng kim xé rách dần cho đến khi thò được tay vào trong và lấy sợi dây chuyền. Sau khi lấy được sợi dây chuyền, Đ lại cất hai con dao vào bếp, để chiếc kim lại chỗ cũ ở hiên nhà và bỏ đôi găng tay trong chậu nước rửa tay ở sân nhà.

Bà Phạm Thị T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra sợi dây chuyền vàng đã mua của Đ. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Hồng Nh. Số tiền 17.635.000 đồng bà T trả cho Nguyễn Hợp Đ khi mua sợi dây chuyền đã được Đ và gia đình bồi thường đủ.

Bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-ĐP ngày 02 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hợp Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hợp Đ đã khai nhận hành vi của mình như trong quá trình điều tra. Bị cáo khai thấy ân hận về hành vi của mình nên ngay sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã nhờ mẹ đẻ là bà Bùi Thị Th bồi thường tiền cho bà Phạm Thị T để lấy sợi dây chuyền về trả cho chị dâu của bị cáo. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là chị Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày đã được nhận lại tài sản, không đề nghị gì về phần dân sự. Chị Nh cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là em chồng, do nhất thời suy nghĩ không đúng đắn, phạm tội lần đầu nên cho bị cáo được cải tạo tại dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và địa phương để bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trình bày đã nhận được tiền bồi thường của gia đình bị cáo Đ nên không yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo về việc bồi thường dân sự. Bà Bùi Thị Th (mẹ đẻ của bị cáo) vắng mặt tại phiên tòa do bị bệnh đang phải nằm điều trị tại bệnh viện nhưng có đơn đề nghị trình bày: Số tiền 17.635.000 đồng bà đã bỏ ra để bồi thường cho bà Phạm Thị T thay cho bị cáo Đ, nay bà Th đề nghị được nhận lại số tiền 17.435.000 đồng tiền do bị cáo Đ bán dây chuyền được mà cơ quan điều tra thu giữ. Số tiền 200.000 đồng còn thiếu do bị cáo Nguyễn Hợp Đ đã chi tiêu, bà Th không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Hợp Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hợp Đ từ 6 đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị Hồng Nh đã nhận lại tài sản bị mất; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phạm Thị T đã nhận số tiền 17.635.000 đồng do mẹ bị cáo bồi thường, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị trả cho gia đình bà Th một đôi găng tay cao su màu trắng, một con dao inox, một con dao rựa, một chiếc kim kim loại và số tiền 17.465.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án xảy ra tại địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã thực hiện trình tự, nội dung ban hành các văn bản và quyết định tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hợp Đ khai nhận phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Lời khai của bị cáo cũng được chứng minh bằng lời khai của bị hại, các tài liệu điều tra và vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền để chơi game và chi tiêu cá nhân nên khoảng 13 giờ ngày 01/01/2018, lợi dụng lúc mọi người trong nhà đều đi vắng, Nguyễn Hợp Đ đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của gia đình. Đ đã dùng hai con dao, một chiếc kim và một đôi găng tay của nhà mình để làm dụng cụ phá kết. Đ đeo găng tay, dùng hai con dao đục phá phía bên sườn kết sắt và dùng kim xé rách dần sau đó thò tay vào trong và lấy trộm được một sợi dây chuyền bằng kim loại vàng (Au) có tổng khối lượng 18,74gam, hàm lượng trung bình Au: 99,74%. Chiếc dây chuyền trên là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng Nh (chị dâu của bị cáo), có trị giá 18.360.000 đồng.

Hành vi như nêu trên của bị cáo Nguyễn Hợp Đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Hợp Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng ham chơi, không chịu lao động để kiếm sống giúp đỡ gia đình và phục vụ các nhu cầu của bản thân mà lại lợi dụng sự tin tưởng của các thành viên trong gia đình để trộm cắp tài sản của chính người thân của mình. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ tài sản cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân của bị cáo chưa có tiền án và tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người tốt.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Hợp Đ không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Nguyễn Hợp Đ chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh. Bà Phạm Thị T đã được mẹ của bị cáo bồi thường số tiền 17.635.000 đồng. Chị Nh và bà T không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ và chuyển cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ lưu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án gồm: Một con dao inox, một con dao rựa, một chiếc kim kim loại, một đôi găng tay cao su màu trắng và số tiền 17.435.000 đồng. Xét thấy một con dao inox, một con dao rựa, một chiếc kim kim loại, đôi găng tay là những vật dụng của bà Bùi Thị Th mua để sử dụng trong gia đình nên trả lại cho bà Th. Số tiền 17.435.000 đồng là tiền bị cáo Nguyễn Hợp Đ có được do bán sợi dây chuyền cho bà Phạm Thị T, bà Bùi Thị Th là mẹ bị cáo đã bỏ tiền ra để bồi thường cho bà T, bà Th có đề nghị được trả lại số tiền 17.435.000 đồng nên chấp nhận. Số tiền 200.000 đồng bị cáo Đ đã sử dụng, bà Th không yêu cầu trả nên không xem xét.

[7] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hợp Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hợp Đ 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Trộm cắp tài sản.

Giao bị cáo Nguyễn Hợp Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị Hồng Nh đã được trả lại tài sản; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T đã được bồi thường; chị Nh và bà T không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Bùi Thị Th một con dao inox, một con dao rựa, một chiếc kim kim loại, một đôi găng tay cao su màu trắng và số tiền 17.435.000 đồng (Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/5/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Số tiền được lưu giữ trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 04/5/2018 của Kho bạc Nhà nước huyện Đ).

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hợp Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Đ;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyền

